

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN  
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/5/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Bảo Hiếu

Ông Trần Ngọc Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Ông Trương Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Kiều Đ, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Khối BS, phường TH, thành phố H, tỉnh Q (có mặt).

- Bị đơn: Bà Tống Thị Hồng H, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Khối NT, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Kiều Đ trình bày: Ông Kiều Đ và bà Tống Thị Hồng H kết hôn vào ngày 14 tháng 10 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q, kết hôn hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, ông Kiều Đ và bà Tống Thị Hồng H về chung sống tại nhà bà H ở khối NT, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đến tháng 11/2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay không sống chung với nhau nên ông Kiều Đ yêu cầu ly hôn bà Tống Thị Hồng H. Vợ chồng có 01 con chung tên là Kiều Thị Hồng P,

sinh ngày 19/01/2016, hiện nay con đang sống với bà H, ông Đ giao con cho bà H nuôi và tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/1 tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Kiều Đ không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 26 tháng 01 năm 2022, bị đơn bà Tống Thị Hồng H trình bày:*

Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, bà H hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Đ và không bổ sung gì thêm. Vợ chồng chung sống với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông Đ yêu cầu ly hôn bà H đồng ý nhưng bản thân bà H không muốn gặp ông Đ nên không đến Tòa án để hòa giải. Vợ chồng có 01 con chung tên là Kiều Thị Hồng Phúc, sinh ngày 19/01/2016, hiện nay con đang sống với bà H, nay ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng. Tài sản chung và nợ chung: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Đ và bà H không có ý kiến gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã Đ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: Ông Đ và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ; về con chung đề nghị giao con Kiều Thị Hồng P, sinh ngày 19/01/2016 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa nguyên đơn ông Kiều Đ và bị đơn bà Tống Thị Hồng H; bị đơn bà Tống Thị Hồng H đang cư trú tại khối NT, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ 1 bà Tống Thị Hồng H vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tống Thị Hồng H theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Ông Kiều Đ và bà Tống Thị Hồng H kết hôn vào ngày 14/10/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, hôn nhân giữa ông Đ và bà H là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông Đ cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đến tháng 11/2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân cho đến nay nên ông Đ yêu cầu ly hôn bà H. Bà H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm không còn và đồng ý ly hôn nhưng bà H không muốn gặp mặt ông Đ để hòa giải, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy vợ chồng ông Đ và bà H không còn sống chung với nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, HĐXX căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho ông Kiều Đ được ly hôn bà Tống Thị Hồng H là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông Đ và bà H có 01 con chung tên là Kiều Thị Hồng P, sinh ngày 19/01/2016, con đang ở với bà H, ông Đ giao con cho bà H nuôi, bà H lại có nguyện vọng nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt cho con chung và phù hợp với ý chí nguyện vọng của đương sự nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thống nhất giao con là Kiều Thị Hồng P, sinh ngày 19/01/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng phù hợp với yêu cầu của bà H. Do đó, HĐXX chấp nhận và buộc ông Kiều Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 5/2022 cho đến khi Kiều Thị Hồng Phúc đủ 18 tuổi.

Ông Kiều Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Kiều Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Đ đối với bà Tống Thị Hồng H về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiều Đ được ly hôn bà Tống Thị Hồng H.

2/ Về con chung: Có 01 con chung

Giao con Kiều Thị Hồng P, sinh ngày 19/01/2016 cho bà Tổng Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Kiều Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng (hai triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 5/2022 cho đến khi Kiều Thị Hồng P đủ 18 tuổi.

Ông Kiều Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Ông Kiều Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000860 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Ông Kiều Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Bảo Hiếu      Trần Ngọc Hưng**

**Lê Minh Tân**

***Nơi nhận:***

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- UBND phường Điện An;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tân**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 5 năm 2022

Tại: Trụ sở TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân

1/ Ông Đặng Bảo Hiếu.

2/ Ông Trần Ngọc Hưng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 228/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa

- Nguyên đơn: Ông Kiều Đ, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Khối Bàu Súng, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà KTống Thị Hồng H, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Khối Ngọc Tam, phường Điện An, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về xác định mối quan hệ pháp luật:**

Tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

*Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%*

## **2. Về điều luật áp dụng**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%*

## **3. Về nội dung tranh chấp:**

**Xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiều Đ được ly hôn bà KTống Thị Hồng H.

2/ Về con chung: Có 01 con chung

Giao con Kiều Thị Hồng Phúc, sinh ngày 19/01/2016 cho bà KTống Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Kiều Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 5/2022 cho đến khi Kiều Thị Hồng Phúc đủ 18 tuổi.

Ông Kiều Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Ông Kiều Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000860 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Ông Kiều Đ phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%*

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 45 ngày 18 tháng 5 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Bảo Hiếu Trần Ngọc Hưng**

**Lê Minh Tân**